

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa;

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1975;

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà T và ông H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H thỏa thuận thuận tình ly hôn; hôn nhân giữa ông bà chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 06-12-2024).

-Về con chung: Ông bà có 01 con chung là chị Th, sinh năm 1998 đã trên 18 tuổi và tự lập được ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

-Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và các khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà T và ông H mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; bà T nhận nộp thay phần án phí của ông H; tổng cộng bà T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước; bà T được khấu trừ 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí và được nhận lại 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002114 ngày 14/11/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn
- VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã Đ, huyện N,
T. Kon Tum (nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo